TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoan và ông Trần Ngọc Tình
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2025/TLST - KDTM ngày 26/5/2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2025/QĐ-ST ngày 08/9/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ. Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (Ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cũ). Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Huỳnh N, sinh năm 1965. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh K, sinh năm 1974 - Phó tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền hiện tại: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1991 – Nhân viên phòng kế hoạch kinh doanh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH sản xuất và thương mại T. Địa chỉ: Số nhà K496/2, đường H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng T – Giám đốc. Hiện đã xuất cảnh ra nước ngoài, không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ (say đây viết tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH sản xuất và thương mại T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số BN 03-MTR/2022/HĐKT ngày 03/01/2022. Theo đó, Công ty Đ bán các sản phẩm mang nhãn hiệu DORUFOAM bao gồm nệm, gối các loại, chăn drap, sofa, áo nệm, gối các loại…

Thực hiện hợp đồng đã ký kết, Công ty Đ và Công ty T đã tiến hành mua bán hàng hóa, tuy nhiên, quá trình mua bán, phía Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ

trả nợ. Theo đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2022, Công ty T còn nợ Công ty Đ số tiền là 75.783.822 đồng. Công ty Đ đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu Công ty T thanh toán nợ nhưng Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp, gây thất thoát nguồn vốn và doanh thu của Công ty Đ.

Do đó, Công ty Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ của Công ty Đ là 75.485.322 đồng.

- *Đối với bị đơn Công ty Đ do ông Phạm Hồng T là người đại diện theo pháp luật:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến để giải quyết vụ án nhưng bị đơn liên tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã đề nghị cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T là ông Phạm Hồng T – Giám đốc Công ty T. Tại Công văn số 1490/CV- PA08 ngày 03/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình (nay là Công an tỉnh Quảng Trị) cung cấp thông tin ông Phạm Hồng T đã xuất cảnh rời Việt Nam ngày 26/6/2023 qua sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tiến hành xác minh tại địa chỉ số 179 đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) là nơi Công ty T đăng ký hoạt động kinh doanh thì hiện nay Công ty T hiện không còn hoạt động tại địa chỉ nêu trên, chuyển đi đâu không rõ. Tại Công văn 43/ĐKKD-QTr ngày 22/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị, cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Tạm ngừng kinh doanh. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) theo quy định của pháp luật. Ngày 12/6/2025, Tòa án cũng tiến hành việc thông báo cho bị đơn và đại diện theo pháp luật của bị đơn qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền còn nợ là 75.485.322 đồng. Về án phí và các chi phí tố tụng: Các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh

chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại – mua bán hàng hóa" theo quy định tại Điều 3 Luật Thương mại và Điều 30 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2.] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Đ khởi kiện đối với bị đơn là Công ty T có nơi đăng ký kinh doanh tại địa chỉ số 179 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là số 179 đường Trần Hưng Đạo, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị), người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Phạm Hồng Tiến, có thông tin xuất cảnh nhưng chưa có thông tin nhập cảnh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết là phù hợp theo quy định.

[3.] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Công ty T không đến Tòa án theo triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tiến hành xác minh việc đăng ký địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty T. Qua xác minh, trao đổi thông tin của Công an phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) xác định hiện nay Công ty T không còn hoạt động tại trụ sở số 179, đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và ông Phạm Hồng T, giám đốc Công ty T - theo xác nhận thông tin tại Công văn số 1490/CV- PA08 ngày 03/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình (nay là Công an tỉnh Quảng Trị) cung cấp thông tin ông Phạm Hồng T đã xuất cảnh rời Việt Nam ngày 26/6/2023 qua sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tòa án đã tiến hành niêm yết và có công văn đề nghị Ban đối ngoại VOV5 – Đài tiếng nói Việt Nam đăng tin thông báo cho bị đơn trên hệ phát thanh Ban đối ngoại VOV5 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng không có kết quả phản hồi. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết sớm vụ án. Ngày 20/8/2025, Tòa án ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Tại phiên tòa ngày 08/9/2025, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa, ấn định lại thời gian.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty Đ yêu cầu Công ty T thanh toán cho Công ty Đ số tiền nợ 75.485.322 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Công ty Đ cung cấp cho Tòa án Hợp đồng mua bán hàng hóa số BN 03-MTR/2022/HĐKT ngày 03/01/2022 có chữ ký của ông Phạm Hồng T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T và có con dấu của Công ty T. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng có giá trị pháp lý, hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc mua bán hàng hóa và Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thể hiện tại Bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/10/2022, Công ty T còn nợ Công ty Đ số tiền là 75.783.822 đồng. Bản đối

chiếu này có chữ ký xác nhận của ông Phạm Hồng T – Giám đốc Công ty T và có đóng dấu xác nhận của Công ty T. Thời gian xác nhận được xác định là ngày 03/01/2023. Sau đó, Công ty Đ đã 03 lần gửi Công văn thúc giục, đôn đốc Công ty T về việc thanh toán. Theo nội dung của Điều 2 Hợp đồng kinh tế số BN 03-MTR/2022/HĐKT ngày 03/01/2022 thì thời hạn thanh toán được quy định: *"Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A toàn bộ số tiền chưa thanh toán /còn nợ phát sinh theo từng đơn hàng trong tháng hoặc chốt công nợ cuối tháng và thanh toán chậm nhất là trước ngày 25 của tháng liền kề"*. Kể từ khi xác nhận đối chiếu công nợ là ngày 03/01/2023 cho đến nay, Công ty T chưa thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ về việc đề nghị Tòa án buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán số nợ 75.485.322 đồng là thấp hơn số tiền đã chốt công nợ nên có cơ sở, cần chấp nhận.

[5.] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí 1.887.133 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005429 ngày 26/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

Công ty T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.774.266 đồng.

[6.] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Đ đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 3.500.000 đồng. Trong đó, đã thực hiện việc đăng thông báo trên Hệ phát sóng đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam với chi phí 2.250.000 đồng. Hoàn trả số tiền còn lại 1.250.000 đồng cho Công ty Đ và buộc Công ty T phải trả lại số tiền 2.250.000 đồng tiền chi phí tố tụng cho Công ty Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 30, khoản 3 Điều 35, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 385; 386; 398; 401 Bộ luật dân sự; Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại T trả cho Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ số tiền 75.485.322 (bảy mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi hai) đồng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ số tiền tạm ứng án phí 1.887.133 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005429 ngày 26/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.774.266 đồng.

2.2 Về chi phí tố tụng:

Hoàn trả số tiền chi phí tố tụng còn lại 1.250.000 đồng cho Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại T phải trả lại số tiền 2.250.000 đồng tiền chi phí tố tụng cho Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đ.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn